

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

Số 431/Cty

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2026 so với quý 3 năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

Tên cổ phiếu:

Mã cổ phiếu:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Người đại diện:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

QNW

17 Phan Chu Trinh - phường Cẩm Thành - Tỉnh Quảng Ngãi

4300326264

ông NGUYỄN ĐĂNG ĐO

Chức vụ: Giám đốc

Căn cứ điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (đã được sửa đổi, bổ sung), quy định giải trình nguyên nhân khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; trường hợp là công ty mẹ thì giải trình trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2026 so với quý 3 năm 2025 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025	Tăng/(giảm)	Tỷ lệ (%)	Quý 3 năm 2026	Quý 3 năm 2025	Tăng/(giảm)	Tỷ lệ (%)
I	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31.614.378.134	30.274.908.381	1.339.469.753		32.019.456.837	31.979.933.677	39.523.160	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-		-	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31.614.378.134	30.274.908.381	1.339.469.753	4,4%	32.019.456.837	31.979.933.677	39.523.160	0,1%
4. Giá vốn hàng bán	11	16.132.709.092	13.043.221.433	3.089.487.659	23,7%	16.547.362.026	14.466.060.438	2.081.301.588	14,4%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	15.481.669.042	17.231.686.948	(1.750.017.906)	-10,2%	15.472.094.811	17.513.873.239	(2.041.778.428)	-11,7%
6. Lãi/(lỗ) của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21	-	-	-		-	-	-	
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	2.228.599.208	1.413.578.139	815.021.069	57,7%	2.228.612.975	1.413.666.733	814.946.242	57,6%
8. Chi phí tài chính	23	350.959.130	(1.405.817)	352.364.947	-	53.365.614	67.919.968	(14.554.354)	-21,4%
- Trong đó: Chi phí đi vay	24	53.365.614	67.919.968	(14.554.354)	-21,4%	53.365.614	67.919.968	(14.554.354)	-21,4%
9. Chi phí bán hàng	25	964.528.311	762.735.919	201.792.392	26,5%	964.528.311	762.735.919	201.792.392	26,5%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	2.184.276.334	2.091.042.141	93.234.193	4,5%	2.471.059.386	2.303.741.810	167.317.576	7,3%
11. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	27	-	-	-		-	-	-	
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26) + 27)	30	14.210.504.475	15.792.892.844	(1.582.388.369)	-10,0%	14.211.754.475	15.793.142.275	(1.581.387.800)	-10,0%



13. Thu nhập khác	31	-	-	-	-	-	-	-	-
14. Chi phí khác	32	834.971	1.465.558	(630.587)	-43,0%	2.084.971	1.714.989	369.982	21,6%
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(834.971)	(1.465.558)	630.587		(2.084.971)	(1.714.989)	(369.982)	
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	14.209.669.504	15.791.427.286	(1.581.757.782)	-10,0%	14.209.669.504	15.791.427.286	(1.581.757.782)	-10,0%
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.861.702.541	3.158.285.458	(296.582.917)	-9,4%	2.861.702.541	3.158.285.458	(296.582.917)	-9,4%
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-	-	-	-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	11.347.966.963	12.633.141.828	(1.285.174.865)	-10,2%	11.347.966.963	12.633.141.828	(1.285.174.865)	-10,2%
20. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61					11.347.966.963			
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62					-			
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					567			
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					567			

BCTC CÔNG TY MẸ

- Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2026 đạt 11.347.966.963 đồng, giảm 1.285.174.865 đồng, tương ứng giảm 10,2% so với quý 3 năm 2025, với các nguyên nhân chủ yếu sau:
 - + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 1.339.469.753 đồng (tăng 4,4%), trong khi giá vốn hàng bán tăng 3.089.487.659 đồng (tăng 23,7%), làm lợi nhuận gộp giảm 1.750.017.906 đồng (giảm 10,2%). Doanh thu tăng nhẹ nhưng giá vốn tăng nhiều do:
 - Doanh thu tiền nước tăng 1.589.928.238 đồng (tăng 5,4%), còn doanh thu thi công, dịch vụ và doanh thu khác giảm 250.458.485 đồng, nên tổng doanh thu chỉ tăng 4,4%.
 - Giá vốn nước tăng 3.351.054.486 đồng (tăng 26,9%), chủ yếu do: chi phí vật tư sửa chữa tăng mạnh của công trình Trạm xử lý nước mặt khu vực đầu cầu Trà Khúc; bên cạnh đó chi phí điện, nhân công, nước thô và hóa chất cũng tăng.
 - + Chi phí tài chính tăng 352.364.947 đồng, chủ yếu do trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư vào công ty con trong quý 297.593.516 đồng; riêng chi phí lãi vay giảm 14.554.354 đồng (giảm 21,4%) do dư nợ gốc vay giảm dần.
 - + Chi phí bán hàng tăng 201.792.392 đồng (tăng 26,5%) và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 93.234.193 đồng (tăng 4,5%).
- Trong khi đó: doanh thu hoạt động tài chính tăng 815.021.069 đồng (tăng 57,7%), chủ yếu từ lãi tiền gửi; chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 296.582.917 đồng (giảm 9,4%) tương ứng với lợi nhuận trước thuế giảm.

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2026 giảm 10,2% so với quý 3 năm 2025.

BCTC HỢP NHẤT

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3 năm 2026 đạt 11.347.966.963 đồng, giảm 1.285.174.865 đồng, tương ứng giảm 10,2% so với quý 3 năm 2025, với các nguyên nhân chủ yếu sau:
 - + Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 39.523.160 đồng (tăng 0,1%), trong khi giá vốn hàng bán tăng 2.081.301.588 đồng (tăng 14,4%), làm lợi nhuận gộp giảm 2.041.778.428 đồng (giảm 11,7%). Doanh thu tăng nhẹ nhưng giá vốn tăng nhiều do:
 - Doanh thu tiền nước tăng, nhưng doanh thu xây lắp, dịch vụ giảm nên tổng doanh thu hầu như không tăng.
 - Giá vốn nước tăng mạnh do các nguyên nhân đã nêu tại phần BCTC công ty mẹ.
 - + Chi phí bán hàng tăng 201.792.392 đồng (tăng 26,5%) và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 167.317.576 đồng (tăng 7,3%).
 - Trong khi đó: doanh thu hoạt động tài chính tăng 814.946.242 đồng (tăng 57,6%), chủ yếu từ lãi tiền gửi; chi phí tài chính giảm 14.554.354 đồng (giảm 21,4%) do chi phí lãi vay giảm theo dư nợ gốc vay giảm dần; chi phí thuế TNDN hiện hành giảm 296.582.917 đồng (giảm 9,4%).

Dẫn đến lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý 3 năm 2026 giảm 10,2% so với quý 3 năm 2025.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Phòng HC.



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ĐĂNG ĐO

